

Hiện tại đơn

*Khẳng định:

I, We, You, They		V
	+	
He, She, It, tên riêng		Vs/es

Hiện tại tiếp diễn

*Khẳng định:

I		am		
We, You, They	+	are	+	Ving.
He, She, It, tên riêng		is		

* Write the verb in the present simple and present continuous tense. (Viết động từ ở thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn) (KHẲNG ĐỊNH)

1. Nam (play) _____ soccer now.
2. My brother (go) _____ to the zoo now.
3. My sister sometimes (watch) _____ TV
4. My friends (visit) _____ HaNoi now.
5. They sometimes (get) _____ up at 6 o'clock.
6. Now, I (listen) _____ to music.
7. She always (do) _____ her homework every day.
8. He (ride) _____ a bicycle now
9. He never (have) _____ dinner at 6 o'clock
10. My mother (read) _____ books now.
11. I (have) _____ breakfast now
12. The boy (play) _____ volleyball now.
13. He sometimes (play) _____ basketball .
14. She always (walk) _____ to school
15. My brothers (watch) _____ TV now.
16. We sometimes(go) _____ fishing .

17. Nam and Ba (play) _____ volleyball now
18. My brothers always(get) _____ up at 6 o'clock
19. She (read) _____ books now
20. Nam and Ba never (play) _____ volleyball .
21. She (do) _____ her homework now.
22. She always (ride) _____ a bicycle
23. They sometimes (have) _____ dinner at 6 o'clock
24. My mother (read) _____ books now.
25. Max always (walk) _____ to school.
26. Nam (play) _____ soccer now.
27. I always (go) _____ fishing .

Hiện tại đơn

Hiện tại tiếp diễn

***Phủ định:**

I, We, You, They	+	<i>don't</i>	+	V
He, She, It, tên riêng		<i>doesn't</i>		

***Phủ định**

I		am		
We, You, They	+	are	+ not +	<i>Ving.</i>
He, She, It, tên riêng		is		

*** Write the verb in the present simple and present continuous tense. (Viết động từ ở thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn) PHỦ ĐỊNH**

1. Nam (not play) _____ soccer now.
2. My brother (not go) _____ to the zoo now.
3. My sister sometimes (not watch) _____ TV
4. My friends (not visit) _____ HaNoi now.

5. *They sometimes (not get) _____ up at 6 o'clock.*
6. *Now, I (not listen) _____ to music.*
7. *She always (not do) _____ her homework every day.*
8. *He (not ride) _____ a bicycle now*
9. *He never (not have) _____ dinner at 6 o'clock*
10. *My mother (not read) _____ books now.*
11. *I (not have) _____ breakfast now*
12. *The boy (not play) _____ volleyball now.*
13. *He sometimes (not play) _____ basketball .*
14. *She always (not walk) _____ to school*
15. *My brothers (not watch) _____ TV now.*
16. *We sometimes(not go) _____ fishing .*
17. *Nam and Ba (not play) _____ volleyball now*
18. *My brothers always(not get) _____ up at 6 o'clock*
19. *She (not read) _____ books now*
20. *Nam and Ba never (not play) _____ volleyball .*
21. *She (not do) _____ her homework now.*
22. *She always (not ride) _____ a bicycle*
23. *They sometimes (not have) _____ dinner at 6 o'clock*
24. *My mother (not read) _____ books now.*
25. *Max always (not walk) _____ to school.*
26. *Nam (not play) _____ soccer now.*
27. *I always (not go) _____ fishing .*

Hiện tại đơn

*Nghị vấn:

Do I, We, You, They
+ + V ?
Does He, She, It, tên riêng

Hiện tại tiếp diễn

*Nghị vấn:

Are I, We, You, They
+ + *Ving* ?
Is He, She, It, tên riêng

*** Write the verb in the present simple and present continuous tense. (Viết động từ ở thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn (Nghị vấn))**

1. _____ Nam (play) _____ soccer now.?
2. _____ your brother (go) _____ to the zoo now?
3. _____ your sister sometimes (watch) _____ TV?
4. _____ your friends (visit) _____ HaNoi now?
5. _____ they sometimes (get) _____ up at 6 o'clock?
6. _____ you (listen) _____ to music, now?.
7. _____ she always (do) _____ her homework every day?
8. _____ he (ride) _____ a bicycle now?
9. _____ he never (have) _____ dinner at 6 o'clock?
10. _____ your mother (read) _____ books now?